TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/*2020/DS - ST*
Ngày: 25 - *02 - 2020*
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Toàn

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ *tham gia phiên toà:* Bà Dương Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2019/TLST - DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Hồng D**,** sinh năm 1953 (có mặt)

Trú tại: Số 205 khóm A, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị S**,** sinh năm 1958 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số 200/13 khóm A, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2019, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 03/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn Lê Hồng D trình bày:

Vào năm 2018, bà D cho bà S vay số tiền là 9.000.000đồng (Chia làm 03 lần cụ thể: lần đầu cho vay 4.000.000đồng, lần thứ hai cho vay 3.000.000đồng, lần thứ 3 cho vay thêm 2.000.000đ) không có biên nhận vay tiền, lãi suất 10%/tháng. Bà S đã trả lãi cho bà D được 03 tháng với số tiền lãi khoảng 3.000.000đồng, thì không đóng tiếp.

Tại buổi hòa giải do Ban nhân dân khóm 4 giải quyết, bà S thừa nhận còn nợ bà D số tiền là 9.000.000đồng, sau đó bà S có trả dần cho bà D được 4.400.000đồng.

Nay, bà D yêu cầu bà Phạm Thị S trả cho bà D số tiền còn nợ là 4.600.000đồng, bà D không yêu cầu bà S trả tiền lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/01/2020 bà Phạm Thị S trình bày:

Bà S thừa nhận có hỏi vay tiền của bà D vào khoảng năm 2018 với số tiền là 4.000.000đồng, sau đó khoảng vài tháng sau bà S vay tiếp số tiền là 3.000.000đồng, lãi suất là 10%/tháng. Khi vay không có viết biên nhận, bà S đã đóng lãi cho bà D khoảng 01 năm, số tiền đóng lãi bao nhiêu không nhớ, mỗi lần đóng tiền lãi cho bà D thì không có ghi biên nhận.

Do bà S không đóng lãi tiếp cho bà D, nên bà D cộng vốn và lãi là 9.000.000đồng. Bà S vẫn thừa nhận bà còn nợ bà D số tiền là 9.000.000đồng, sau đó bà có trả dần cho bà D được 4.400.000đồng.

Bà S đồng ý trả cho bà D số tiền còn nợ là 4.600.000đồng và xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Đây là vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, Điều 196, Điều 197 và Điều 208 BLTTDS năm 2015.

Trình tự thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định.

Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ: Lấy lời khai của nguyên đơn và bị đơn được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 97; Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Hồng D

Buộc bà Phạm Thị S trả cho bà Lê Hồng D số tiền 4.600.000 đồng.

Án phí: Bà Phạm Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Phạm Thị S có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà S theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét, yêu cầu của bà D yêu cầu bà Phạm Thị S trả cho bà số tiền vay còn lại là 4.600.000đ và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Mặc dù bà D cho bà S vay tiền không có làm biên nhận nợ, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2020 bà S thừa nhận còn nợ bà D số tiền 4.600.000đ và đồng ý trả số tiền này cho bà D, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị S có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 4.600.000đ.

Đối với phần tiền lãi bà Lê Hồng D đã nhận 3.000.000 đồng từ bà S. bà Phạm Thị S không yêu cầu tính lại số tiền này, nên không đặt ra xem xét phần tiền lãi này.

[4] Về án phí: Buộc bà S phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Do bà S có đơn xin miễn tiền án phí vì là người cao tuổi, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà S thuộc đối tượng được miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí cho bà S.

[5] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hồng D

Buộc bà Phạm Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Lê Hồng D số tiền 4.600.000đ đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú